

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2023

Về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Thường;

Ông Trần Mai Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bảo Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đậu Sơn N, sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang sinh sống tại Đài Loan (không rõ địa chỉ, đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai bằng phương thức niêm yết công khai tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh).

- Những người làm chứng: Ông Đậu Sơn V, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, đều có địa chỉ: Số nhà A, đường L, khối quang T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Vi Thị T trình bày:

Chị và anh Đậu Sơn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An ngày 23/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng nhau. Năm 2018 anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, cũng từ đó, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm và không liên lạc với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Vi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đậu Sơn N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh N có 01 con chung tên là Đậu Sơn L, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, nếu được ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đậu Sơn N: Sau khi thụ lý vụ án cho đến nay anh ấy vắng mặt ở tất cả các buổi được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng. Chị T và người thân của anh N không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi anh N cư trú, chỉ biết anh ấy đang sinh sống tại Đài Loan. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập làm việc tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn trước khi xuất cảnh, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo cho anh N thông qua bố mẹ để là ông Đậu Sơn V và bà Nguyễn Thị H, Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông V, bà H cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn theo yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên ông, bà cho biết anh N đang lao động, sinh sống tại Đài Loan thỉnh thoảng liên lạc về với ông bà thông qua mạng xã hội, nhưng không cho biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được. Ông V, bà H cũng đã thông báo cho anh N biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa nguyên đơn và bị đơn. Anh N cho biết ý kiến thông qua ông, bà như sau: Về hôn nhân, anh N đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Anh N đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T và nhờ ông V, bà H nhận thay các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Đậu Sơn L có ý kiến: Nếu bố, mẹ ly hôn thì cháu chọn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu cũng đang sinh sống cùng chị ấy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 77 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đậu Sơn N đã được bố, mẹ đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc nguyên đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng hợp lệ nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Xét thấy anh Đậu Sơn N và chị Vi Thị T là người đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An vào ngày 23/10/2014, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân hợp pháp. Sau khi xuất cảnh anh N không liên lạc với chị T và không chăm lo đến gia đình, điều này cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vi Thị T ly hôn anh Đậu Sơn N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Đậu Sơn L, sinh ngày 28/8/2015 căn cứ vào nguyện vọng của cháu và trên thực tế, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Vi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Đậu Sơn N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Văn bản số 25678/QLXNC-P5 ngày 29/11/2022 của cục X- Bộ C cho biết:

Anh Đậu Sơn N đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay N1 lần cuối là ngày 08/02/2019 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh, nên vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đậu Sơn N vắng mặt, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ và tiến hành xác minh, lấy lời khai của bà ông Đậu Sơn V và bà Nguyễn Thị H là bố, mẹ đẻ của anh N theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng không có kết quả. Anh N đã được bố, mẹ đẻ của mình thông báo nội dung và phạm vi khởi kiện của nguyên đơn mà Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết nhưng không có ý kiến gì. Đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của bị đơn trước khi xuất cảnh theo quy định và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người làm chứng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì phiên tòa.

[3] Nội dung vụ án: Đánh giá lời khai của nguyên đơn, người làm chứng và các tài liệu có tại hồ sơ Hội đồng xét xử có căn cứ để khẳng định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Từ khi anh N xuất cảnh không liên lạc với vợ, thiếu sự quan tâm đến gia đình nên đã vi phạm vào khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, chị T không còn tình cảm với anh N, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Vi Thị T được ly hôn với anh Đậu Sơn N theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Con chung: Cháu Đậu Sơn L, sinh ngày 28/8/2015 là con chung của nguyên đơn và bị đơn, hiện nay nguyên đơn đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bị đơn đang sinh sống, lao động ở nước ngoài. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con chung là chính đáng và phù hợp với ý chí nguyện vọng của cháu L và hoàn cảnh thực tế. Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp

pháp của con chung nên cần áp dụng Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị Vi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vi Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Buộc chị Vi Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 19; Các Điều 51, 56, 58, 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Chị Vi Thị T được ly hôn bị đơn anh Đậu Sơn N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đậu Sơn L, sinh ngày 28/8/2015 cho chị Vi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

3. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đậu Sơn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu người nào vi phạm thì người có quyền, yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án dân sự độc lập khác.

4. Án phí: Buộc chị Vi Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012381 ngày 28/12/2022 có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Q, TX Th;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Lam